

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2025/DS-ST

Ngày 04 - 08 - 2025

V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐẮK LẮK**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lưu Quốc Chinh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bành Trọng Bình

Bà Nguyễn Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Hương – là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Trần Dương Công - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 08 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 82/2025/TLST- DS ngày 20 tháng 05 năm 2025 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2025/QĐST-DS ngày 25 tháng 07 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông **Doãn Văn L** – SN: 1977

Địa chỉ: Số 04 Tô Hiệu, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là số 04 Tô Hiệu, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông **Phạm Hồng Đ** – SN: 1978

Nơi ĐKKHKT: Thôn 08, xã H, TP.B, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở: Số 07 Nguyễn Du, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là số 07 Nguyễn Du, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trần Thị V** – SN: 1983

Địa chỉ: Tổ dân phố T, thị trấn E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là tổ dân phố T, xã E, tỉnh Đắk Lắk.

Nơi ở: Số 07 Nguyễn Du, xã E, tỉnh Đắk Lắk (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn ông Doãn Văn L trình bày:

Vào ngày 06/5/2024 tôi có cho vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V vay số tiền 1.290.000.000 (*Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng*). Khi vay hai bên có lập hợp đồng vay viết tay, có ký nhận của ông Đ, bà V, hai bên có ghi thời hạn trả tiền là trong tháng 05/2024 gia đình ông Đ, bà V trả trước cho tôi số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 30/9/2024 thì trả hết cho tôi số tiền còn lại, không ghi lãi suất nhưng có thỏa thuận miệng với nhau lãi suất theo lãi Ngân hàng. Đến hạn vợ chồng ông Đ, bà V vẫn không trả cho tôi khoản tiền nào, mặc dù tôi đã nhiều lần đến đòi nhưng vợ chồng ông Đ vẫn không chịu trả tiền cho tôi. Ngày 20/5/2025 tôi khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V phải trả cho tôi tổng số tiền vay gốc còn nợ là 1.290.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của pháp luật trên số tiền vay tính từ ngày 06/5/2024 cho đến khi trả xong nợ, tuy nhiên trong quá trình tố tụng tại Tòa án tôi nhớ ông Đ, bà V đã trả cho tôi hai lần tiền gốc, lần thứ nhất trả 20.000.000 đồng, lần thứ hai trả 90.000.000 đồng, tổng là 110.000.000 đồng nhưng tôi không nhớ thời gian trả và không trừ vào tiền gốc. Nay tôi thay đổi một phần nội dung yêu cầu khởi kiện về số tiền gốc cụ thể tôi yêu cầu ông Đ, bà V phải trả cho tôi tổng số tiền vay gốc còn nợ là 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*) và lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng trên số tiền vay tính từ ngày 06/5/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Bị đơn ông Phạm Hồng Đ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị V trình bày: Vợ chồng tôi thừa nhận vào ngày 06/5/2024 vợ chồng tôi có vay của ông Doãn Văn L tổng số tiền 1.290.000.000 đồng và đã trả cho ông L 110.000.000 đồng như ông L trình bày, khi vay chúng tôi có lập hợp đồng viết tay và thỏa thuận thời hạn vợ chồng tôi phải trả cho ông L trong tháng 05/2024 trả trước số tiền 300.000.000 đồng, đến ngày 30/9/2024 trả hết cho ông L số tiền còn lại, lãi suất thỏa thuận bằng miệng nhưng chúng tôi không nhớ là bao nhiêu, đến hạn trả do hoàn cảnh gia đình chúng tôi khó khăn nên chúng tôi vẫn chưa trả cho ông L số tiền còn lại theo thỏa thuận. Trong quá trình Tòa án giải quyết do hoàn cảnh gia đình tôi hiện nay rất khó khăn nên vợ chồng tôi đề nghị ông L cho chúng tôi xin số tiền lãi, còn số tiền gốc chúng tôi xin được trả cho ông L làm nhiều đợt vào cuối năm 2025 trả 200.000.000 đồng và cứ sáu tháng một lần chúng tôi trả

200.000.000 đồng cho đến khi trả xong nợ nhưng ông L không đồng ý. Nay ông L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc chúng tôi phải trả cho ông L toàn bộ số tiền vay gốc còn nợ là 1.180.000.000 đồng (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*), chúng tôi hoàn toàn đồng ý. Về tiền lãi chúng tôi đồng ý trả tiền lãi theo quy định của pháp luật cho ông L kể từ ngày vay ngày 06/5/2024 cho đến khi trả xong nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định tại các Điều 26, 36, 93, 94, 95, 96, 97, 195, 196, 203 và 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật dân sự, đề nghị hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn buộc ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V có nghĩa vụ trả cho ông Doãn Văn L số tiền vay còn nợ là 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*) và lãi suất theo quy định của pháp luật tính từ ngày 06/5/2024 đến 30/09/2024 và lãi chậm trả cho đến ngày xét xử. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Ông Doãn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, kết quả thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ông Doãn Văn L khởi kiện ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V có nơi cư trú tại huyện E, tỉnh Đắk Lắk, nay là xã E, tỉnh Đắk Lắk phải trả số tiền vay còn nợ, đây là loại việc tranh chấp về hợp đồng vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đắk Lắk theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Hội đồng xét xử nhận thấy, khi vay hai bên có lập hợp đồng vay tiền viết tay với nhau, nội dung ghi đầy đủ tên người vay, người cho vay, loại tài sản cho vay, ngày vay, thời hạn trả nợ và chữ ký các bên trong hợp đồng, thể hiện sự thỏa thuận của các bên. Tại phiên hòa giải và tại phiên tòa vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V đồng ý trả khoản nợ theo yêu cầu của ông Doãn Văn L như vậy các bên đã tự nguyện ký kết hợp đồng nên hợp đồng vay giữa ông Doãn Văn L với vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V ngày 06/05/2024 với số tiền 1.290.000.000 (*Một tỷ hai trăm chín mươi triệu đồng*) là hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự. Trong thời gian vay vợ chồng ông Đ, bà V đã trả cho ông L 110.000.000 đồng tiền gốc và không trả cho ông L khoản tiền lãi nào. Số tiền gốc còn nợ là 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*) và tiền lãi đến nay ông Đ, bà V không trả cho ông L khoản tiền nào theo thỏa thuận. Do vậy ông Đ, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất: Ông Doãn Văn L yêu cầu vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V phải trả lãi suất theo lãi suất của Ngân hàng trên số tiền vay còn nợ tính từ ngày 06/5/2024 cho đến khi trả xong nợ. Hội đồng xét xử nhận thấy khi vay hai bên ghi thời hạn trả tháng 05/2024 và ngày 30/9/2024, không thỏa thuận lãi suất, nhưng đều thừa nhận có thỏa thuận miệng với nhau về lãi suất tuy nhiên không rõ lãi suất là bao nhiêu, tại phiên tòa ông Đ, bà V chỉ đồng ý trả lãi suất cho ông L theo quy định của pháp luật tính từ ngày vay ngày 06/5/2024 cho đến khi trả xong nợ nên giữa ông L với ông Đ, bà V có tranh chấp về lãi suất thuộc trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự. Đến hạn bên vay vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V không trả nợ cho ông L nên ông L có quyền yêu cầu ông Đ, bà V trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự trên số tiền 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*) tương ứng với thời gian vay tính từ ngày 06/5/2024 cho đến ngày xét xử.

[4] Về yêu cầu khởi kiện: Hội đồng xét xử nhận thấy từ khi vay cho tới thời hạn trả nợ đến nay ông Đ, bà V không trả cho ông L khoản tiền gốc và lãi theo thỏa thuận như vậy ông Đ, bà V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận, cần áp dụng Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, buộc ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V có trách nhiệm trả cho ông Doãn Văn L tổng số tiền nợ gốc 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*) và lãi suất theo mức lãi suất 10%/năm tại thời điểm xét xử là 0,83%/tháng, cụ thể lãi suất tương ứng với thời gian vay chậm trả tính từ ngày 06/05/2024 đến ngày xét xử ngày 04/08/2025 là 14 tháng 29 ngày lãi là $(1.180.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng}) \times 14 \text{ tháng} 29 \text{ ngày} = 146.584.000$ (*Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*), tổng cả gốc và lãi là 1.326.584.000 (*Một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

[5] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên cần áp dụng khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, buộc vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm 51.798.000 đồng.

Ông Doãn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả cho ông L số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện E, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực - Đắc Lắc.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 235; Điều 266; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Doãn Văn L

Buộc vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V có trách nhiệm trả cho ông Doãn Văn L tổng số tiền vay gốc còn nợ và lãi là 1.326.584.000 (*Một tỷ ba trăm hai mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*), trong đó tiền gốc là 1.180.000.000 (*Một tỷ một trăm tám mươi triệu đồng*), tiền lãi là 146.584.000 (*Một trăm bốn mươi sáu triệu năm trăm tám mươi tư nghìn đồng*).

Kể từ ngày ông Doãn Văn L có đơn yêu cầu thi hành án, thì hàng tháng vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V còn phải chịu lãi theo mức lãi suất 10%/năm tương ứng với thời gian và số tiền còn phải thi hành án.

Về án phí: Buộc vợ chồng ông Phạm Hồng Đ, bà Trần Thị V phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 51.798.000 (*Năm mươi một triệu bảy trăm chín mươi tám nghìn đồng*). Ông Doãn Văn L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, trả lại cho ông Doãn Văn L số tiền tạm ứng án phí 25.350.000 (*Hai mươi lăm triệu ba trăm năm mươi nghìn đồng*), ông L đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện E, nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực - Đắc Lắc theo biên lai thu số 0003910 ngày 20 tháng 05 năm 2025.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, quyền tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật thi hành án dân sự.

**TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 2 - Đắk Lắk;
- Phòng THADS khu vực - Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án.

(Đã ký)

Lưu Quốc Chinh